



Cơ chế CBAM và khuyến nghị giải pháp cho Việt Nam

Tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
I. CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH BIÊN GIỚI CARBON (CBAM)	5
1.1. Tổng quan về cơ chế điều chỉnh biên giới carbon.....	5
1.2. Nguyên tắc của CBAM	7
1.3. Phạm vi áp dụng	8
1.4. Nghĩa vụ báo cáo và giao nộp chứng chỉ CBAM	10
1.4.1. Nghĩa vụ báo cáo trong giai đoạn chuyển tiếp.....	10
1.4.2. Khai báo CBAM và giao nộp chứng chỉ CBAM giai đoạn vận hành	11
II. TÁC ĐỘNG DỰ KIẾN CỦA CƠ CHẾ CBAM ĐỐI VỚI VIỆT NAM..	11
2.1. Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	12
2.2. Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm	15
2.3. Xi măng	17
2.4. Phân bón	18
III. THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC	20
3.1. Thực trạng của Việt Nam	21
3.2. Cơ hội và thách thức của cơ chế CBAM	22
IV. KHUYẾN NGHỊ	24
4.1. Dành cho cơ quan Nhà nước	24
4.2. Dành cho doanh nghiệp.....	25
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	27

LỜI MỞ ĐẦU

Liên minh châu Âu (EU) là một trong những đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam. Qua 3 năm triển khai Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam- EU (EVFTA), hoạt động xuất nhập khẩu từ Việt Nam sang EU đã phục hồi tăng trưởng, đặc biệt xuất khẩu từ mức giảm 1,8% năm 2020 lên mức tăng 14,2% năm 2021 và 16,8% vào năm 2022. Theo số liệu Tổng cục Hải quan, năm 2022, xuất khẩu Việt Nam sang EU đạt 46,83 tỷ USD, tăng 16,73% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, những lợi thế này của doanh nghiệp Việt Nam sẽ phần nào bị ảnh hưởng bởi những chính sách và quy định mới của EU dành cho hàng hóa nhập khẩu vào khối thị trường này. Một trong những vấn đề mới và được quan tâm nhiều hiện nay là Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) sẽ được EU thí điểm áp dụng giai đoạn chuyển tiếp từ ngày 01/10/2023 và thực hiện đầy đủ từ năm 2026.

EU đang tiến hành kế hoạch hướng đến mục tiêu trở thành lục địa trung hòa khí carbon vào năm 2050. Thuế carbon là một trong những công cụ định giá carbon phổ biến trên thế giới, cùng với cơ chế tín chỉ và hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính (thị trường carbon nội địa). Về bản chất, CBAM sẽ đánh thuế carbon đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu vào thị trường các nước thuộc khối EU, dựa trên cường độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất tại nước sở tại. Trong giai đoạn chuyển tiếp, CBAM dự kiến sẽ tác động đến ngành hàng nhôm, thép, xi măng và phân bón của Việt Nam. Tuy nhiên tác động trên không quá lớn, nhưng đối với từng ngành hàng, từng doanh nghiệp, giá trị xuất khẩu giảm đi là con số không nhỏ và làm gia tăng áp lực đối với doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng này.

Do đó, trong thời gian tới, doanh nghiệp Việt Nam cần nhanh chóng chuyển đổi mô hình sản xuất theo xu hướng xanh hơn để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe từ phía thị trường nhập khẩu EU. Đồng hành cùng xu hướng xanh hóa của thế giới, doanh nghiệp Việt Nam cần thay đổi tư duy trong kinh doanh để bắt kịp với những thay đổi của các thị trường quốc tế, đặc biệt khi trong tương lai số ngành hàng áp dụng Cơ chế CBAM có thể sẽ mở rộng như dệt may và da giày - một trong những mặt hàng gia công xuất khẩu trọng yếu của Việt Nam cũng như số lượng các thị trường nhập khẩu áp dụng cơ chế “xanh” ngày càng tăng.

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đang tìm hiểu về Cơ chế CBAM khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU, chuyên đề dưới đây sẽ cung cấp các thông tin cần thiết về Cơ chế CBAM cũng như khuyến nghị dành cho quý doanh nghiệp để thích ứng với yêu cầu mới của thị trường xuất khẩu và đồng hành cùng mục tiêu “xanh hóa” theo cam kết tại COP26 của chính phủ, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt			Nguyên nghĩa
CBAM- Carbon Border Adjustment Mechanism			Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon
EGD- European Green Deal			Thỏa thuận xanh châu Âu
EP			Nghị viện châu Âu
GHG			Phát thải khí nhà kính
EU- ETS			Cơ chế trao đổi hạn ngạch phát thải của EU
EVFTA			Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam- EU

I. CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH BIÊN GIỚI CARBON (CBAM)

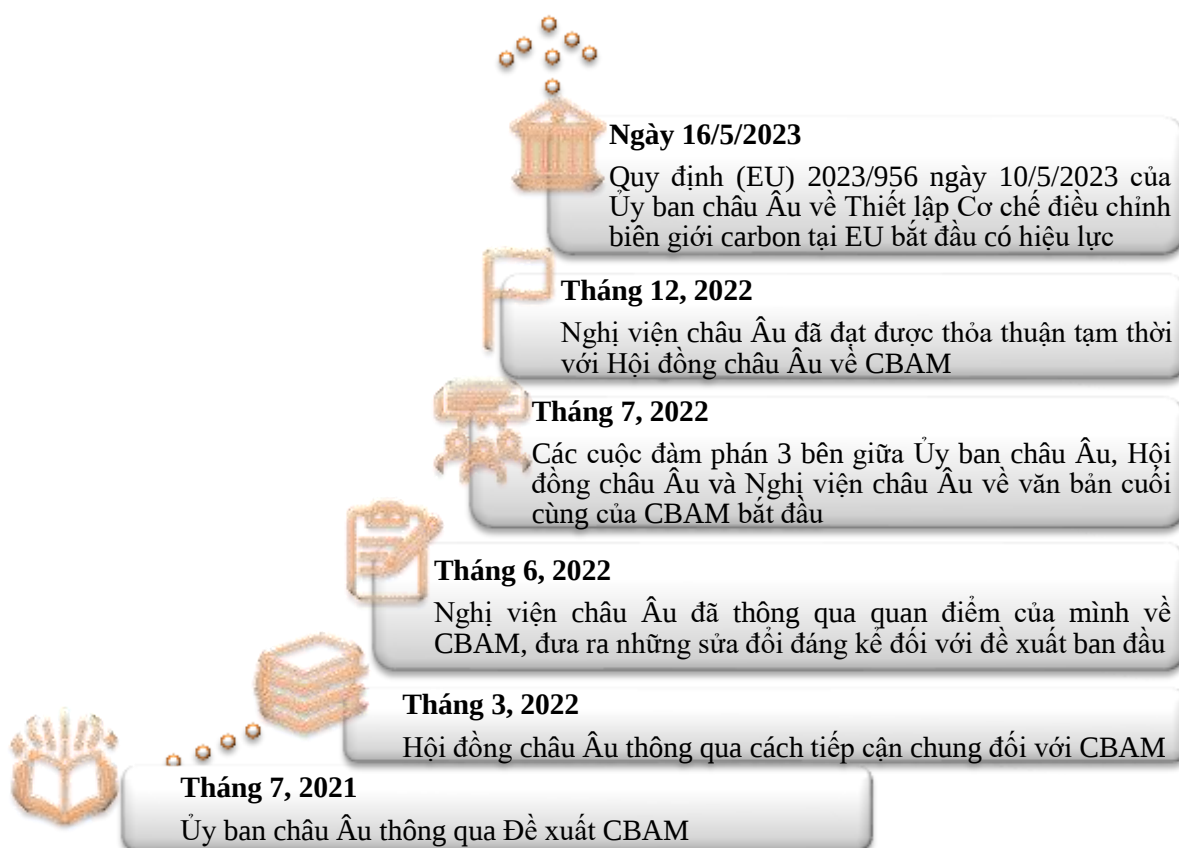
1.1. Tổng quan về cơ chế điều chỉnh biên giới carbon

Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM- Carbon Border Adjustment Mechanism) được Liên minh châu Âu chính thức đề xuất lần đầu vào ngày 11/12/2019 trong khuôn khổ Thỏa thuận xanh châu Âu (EGD- European Green Deal) và được Nghị viện châu Âu (EP) phê duyệt. Đề xuất được thông qua vào ngày 10/3/2021 và trở thành một trong bốn cơ chế định giá carbon trong kế hoạch của EU.

Thỏa thuận xanh châu Âu là chiến lược tăng trưởng mới của EU nhằm xây dựng một xã hội công bằng và thịnh vượng, thúc đẩy các ngành công nghiệp phát triển trên cơ sở một nền kinh tế sạch và bền vững. Với mục tiêu trở thành khu vực trung lập về khí hậu (climate-neutral) vào năm 2050, Thỏa thuận xanh hàm chứa chiến lược của EU nhằm đảm bảo khả năng tự chủ, ổn định thương mại, giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung ứng dầu khí, tài nguyên khoáng sản từ một số đối tác và thiết lập tiêu chuẩn cho các thị trường xanh có lợi cho doanh nghiệp châu Âu.

Căn cứ theo lộ trình thực hiện Thỏa thuận, tháng 7/2021, EU đã trình đề xuất về sáng kiến Cơ chế CBAM nhằm thúc đẩy việc giảm phát thải khí nhà kính (GHG) và đạt trung hòa carbon vào năm 2050.

- *Mục tiêu của CBAM* là giải quyết nguy cơ rò rỉ carbon (carbon leakage) gây ra do những chính sách khí hậu thiếu chặt chẽ của các quốc gia không thuộc EU, đồng thời hỗ trợ cho Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải của EU (EU- ETS).
- *Giai đoạn bắt buộc mua chứng chỉ phát thải CBAM và mở rộng ngành hàng* sẽ bắt đầu từ sau năm 2026, đồng thời loại bỏ dần các hạn ngạch được phân bổ miễn phí cho các ngành có rủi ro cao ở EU.
- *Các chứng chỉ phát thải carbon (hay gọi là chứng chỉ CBAM)* sẽ được cấp cho các nhà nhập khẩu dựa trên cường độ phát thải tích hợp trong sản phẩm mà họ nhập khẩu vào EU và có giá bằng hạn ngạch EU- ETS.



Biểu đồ: Các mốc quan trọng của CBAM

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong đó, hệ thống EU- ETS ra đời vào năm 2005, là thị trường mua bán quyền phát thải lớn đầu tiên và lớn nhất thế giới. Lượng phát thải trao đổi trên EU- ETS chiếm khoảng 40% tổng lượng phát thải của EU. Do đó, EU- ETS là một phần quan trọng trong chính sách chống biến đổi khí hậu của EU và cũng là công cụ chính của khối này để giảm phát thải khí nhà kính với chi phí thấp nhất.

Hoạt động trên nguyên tắc “cap- and- trade” (mức trần và giao dịch phát thải), có thể hiểu ý nghĩa của hoạt động này như sau: Thông qua hoạt động kiểm kê phát thải khí nhà kính, chính phủ sẽ nắm được tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia và tỷ trọng phát thải của từng đơn vị sản phẩm, dịch vụ (theo phương thức phân bổ benchmarking¹), từ đó chính phủ sẽ phân bổ hạn ngạch trên cho các cơ sở sản xuất có phát thải. Cơ sở chỉ được phát thải GHG trong hạn ngạch cho phép, nếu có nhu cầu phát thải vượt hạn ngạch phải mua hạn ngạch từ cơ sở khác, hoặc nếu sử dụng không hết hạn ngạch thì được tích lũy để trao đổi, mua bán thông qua thị trường carbon² và được gọi là tín chỉ carbon. Trường hợp không tuân thủ, doanh nghiệp có thể bị phạt gấp nhiều lần giá hạn ngạch.

¹ Xem giải thích ở trang tiếp theo.

² Trích kết quả nghiên cứu “Quản lý tín chỉ carbon và trao đổi hạn ngạch phát thải hướng tới thị trường các-bon Việt Nam”

- *Mức trần* sẽ quyết định số tín chỉ carbon có hiệu lực trên toàn hệ thống EU- ETS. Mức trần được thiết kế sẽ giảm dần theo từng năm, do đó tổng lượng phát thải cũng sẽ giảm.
- *Mức giá hạn ngạch phát thải* hiện tại là 75 euro/tấn. Từ 2026, giá cho hạn ngạch sẽ bằng chi phí hạn ngạch phát thải trung bình hàng tuần của EU, có tính đến việc cắt giảm số lượng hạn ngạch miễn phí cho sắt & thép, nhôm, phân bón và xi măng.
- *Một tín chỉ carbon* tương đương với một tấn CO₂ tương ứng được giảm trong khí quyền (cho phép phát thải một tấn CO₂ hoặc quy đổi tương đương từ các loại khí nhà kính khác như khí CH₄, NO₂).

Hiện có 2 phương pháp phân bổ hạn ngạch phát thải GHG được sử dụng: phương pháp grandfathering là xác định tổng lượng phát thải dựa trên phát thải trong quá khứ hoặc phương pháp benchmarking dựa trên việc đo lường hiệu suất phát thải xác định cho một ngành, một nhóm sản phẩm, hoặc một đơn vị đầu ra.

1.2. Nguyên tắc của CBAM

Cơ chế CBAM phải nhất quán với một số nguyên tắc của WTO áp dụng cho bất kỳ cơ chế điều chỉnh biên giới nào. Cụ thể, CBAM cần tuân thủ nguyên tắc đối xử tối huệ quốc đối với hàng hóa tương tự; nguyên tắc đối xử quốc gia và sửa đổi các điều kiện cạnh tranh không lành mạnh gây bất lợi cho các sản phẩm nhập khẩu.

- Vấn đề không phân biệt đối xử:* Các thực thể thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM phải trả phí cho lượng phát thải GHG với tỷ lệ trên mỗi tấn CO₂ tương đương như các đối tác châu Âu (trên cơ sở giá đấu giá trung bình hàng tuần cho các hạn ngạch trong hệ thống EU- ETS).
- Vấn đề đối xử quốc gia:* Cơ chế CBAM sẽ được áp dụng bình đẳng giữa tất cả các đối tác thương mại của EU, cũng như giữa các thành viên của Liên minh thuế quan châu Âu. Trên cơ sở đó, cơ chế CBAM sẽ không miễn trừ trách nhiệm với các nước kém phát triển nhất.
- Vấn đề sửa đổi các điều kiện cạnh tranh:* CBAM có thể áp dụng mức phí đối với các sản phẩm nhập khẩu vượt quá mức trần thuế hải quan và các khoản phí khác liên quan đến nhập khẩu đã được EU đồng ý trong biểu cam kết WTO. Giá chứng chỉ phát thải mới có thể sẽ tăng cao khi EU chính thức thực hiện và mở rộng CBAM cũng như thực hiện các hành động khí hậu khác theo thời gian. Do vậy, EU cần thận trọng sắp xếp cơ chế CBAM trước một loạt các chính sách nội bộ về khí hậu.

Bên cạnh đó, CBAM cũng đề cập tới nguyên tắc tránh trùng lặp và bình đẳng về mức phí phải nộp, cụ thể các doanh nghiệp nhập khẩu EU sẽ không phải trả mức phí này tại EU nếu các hàng hóa nhập khẩu đã trả khoản phí xả thải bằng với mức phí tại EU. Ngược lại, doanh nghiệp EU nhập khẩu các mặt hàng chưa trả hoặc trả mức phí xả thải ở nước xuất khẩu thấp hơn mức phí đang được áp dụng tại EU thì sẽ phải trả thêm phần chênh lệch còn thiếu.

1.3. Phạm vi áp dụng

CBAM là một công cụ chính sách mới của EU cho phép đánh thuế bổ sung đối với hàng nhập khẩu trong các ngành có mức phát thải cao. Thuế bổ sung này được gọi là thuế carbon và được tính toán dựa trên mức độ phát thải của sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Theo quy định EU 2023/956, CBAM sẽ bắt đầu áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp từ ngày 01/10/2023 với giai đoạn báo cáo đầu tiên cho các nhà nhập khẩu kết thúc vào ngày 31/01/2024.

Phạm vi sản phẩm: xi măng, sắt thép, nhôm, phân bón, điện và hydro

Phạm vi phát thải rộng: Ngoài lượng phát thải trực tiếp, việc tính toán lượng phát thải liên quan của sản phẩm trong phạm vi điều chỉnh của CBAM phải đưa vào “phát thải gián tiếp”.

Cơ quan CBAM trung ương: Một cơ quan CBAM trung ương duy nhất của EU chịu trách nhiệm thực hiện CBAM thay cho cơ quan địa phương ở mỗi quốc gia thành viên EU.



Hình: Lộ trình áp dụng của CBAM

Nguồn: VCCI

Giai Đoạn Đầu

- CBAM sẽ tập trung vào hàng hóa có nguy cơ rò rỉ carbon cao nhất là xi măng, sắt thép, nhôm, phân bón, hydrogen và điện. Đây là những lĩnh vực chiếm tới 94% lượng khí thải công nghiệp của EU.
- Tuy nhiên, miễn trừ cho một số sản phẩm nhất định như sắt phế liệu hay các loại phân bón không phát thải nhiều carbon trong quá trình sản xuất.

Giai Đoạn Chuyển Tiếp (Từ 01/10/2023- 31/12/2025)

- Các nhà nhập khẩu châu Âu trong các lĩnh vực trên phải giám sát và báo cáo lượng phát thải carbon trong quá trình sản xuất hàng hóa mà EU nhập khẩu theo Điều 33, 34 và 35 Quy định (EU) 2023/956, các doanh nghiệp xuất khẩu chỉ phải khai báo mức phát thải và không cần thực hiện bất kỳ điều chỉnh tài chính nào trong thời gian chuyển tiếp.
- Năm 2025: Ủy ban châu Âu sẽ đánh giá về hoạt động của CBAM và có thể mở rộng phạm vi sang nhiều sản phẩm và dịch vụ hơn, bao gồm cả chuỗi giá trị và có thể bao gồm “phát thải gián tiếp”.
- Lưu ý: EU dự kiến sẽ áp dụng mức phạt khoảng 10-50 euro cho mỗi tấn khí thải không báo cáo.

Từ Năm 2026

- Các nhà nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM tại EU sẽ cần phải mua chứng chỉ CBAM.
- Nhà nhập khẩu EU phải khai báo trước ngày 31/5 hàng năm số lượng hàng hóa và phát thải gắn liền trong những hàng hóa được nhập khẩu vào EU trong năm trước. Đồng thời, nhà nhập khẩu nộp lại số lượng chứng chỉ CBAM tương ứng với lượng phát thải khí nhà kính có trong sản phẩm.
- Nếu các nhà nhập khẩu EU có thể chứng minh, dựa trên thông tin đã được xác minh từ các nhà sản xuất ở nước thứ ba, rằng giá carbon đã được thanh toán trong quá trình sản xuất hàng hóa nhập khẩu, thì số tiền tương ứng có thể được khấu trừ vào hóa đơn cuối cùng của họ.

Từ năm 2034

- Nhà nhập khẩu sẽ phải nộp 100% phí CBAM.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Thông tin nhà nhập khẩu phải báo cáo theo từng lĩnh vực trong phạm vi CBAM giai đoạn chuyển tiếp:

Nội dung báo cáo	Các sản phẩm CBAM					
	Xi măng	Phân bón	Sắt/Thép	Nhôm	Hydro	Điện
Chỉ số báo cáo	(mỗi) Tấn sản phẩm					(mỗi) MWh
Khí nhà kính được báo cáo	Chỉ báo cáo CO2	Only direct/	Chỉ báo cáo CO2	CO2 (cộng với perfluorocarbons (PFC) đối với một số mặt hàng nhôm)	Chỉ báo cáo CO2	Chỉ báo cáo CO2
		Chỉ báo cáo khí nhà kính trực tiếp				
Phạm vi phát thải trong giai đoạn chuyển tiếp	Phát thải khí nhà kính Trực tiếp và Gián Tiếp					Chỉ bao gồm phát thải khí nhà kính trực tiếp
Phát thải trong khoảng thời gian xác định	Phát thải khí nhà kính Trực tiếp và Gián Tiếp		Chỉ bao gồm phát thải khí nhà kính, trên các chủ thể được xem xét			Chỉ bao gồm phát thải khí nhà kính
Xác định phát thải liên quan trực tiếp	Dựa trên lượng phát thải thực tế, trừ khi chúng không thể được xác định đầy đủ					Dựa trên các giá trị mặc định, trừ khi một số điều kiện tích lũy được đáp ứng
Xác định phát thải liên quan gián tiếp	Dựa trên các giá trị mặc định, trừ khi các điều kiện được đáp ứng (ví dụ: quá trình đầu nối trực tiếp hoặc thông qua hợp đồng mua bán điện)					Không áp dụng

Hình: Thông tin báo cáo theo lĩnh vực trong CBAM giai đoạn chuyển tiếp

Nguồn: Bureau Veritas

Về lâu dài, khi CBAM mở rộng sang các lĩnh vực công nghiệp khác và theo dõi “dấu chân carbon” của tất cả các hoạt động sản xuất; đồng thời các đối tác thương mại của Việt Nam cũng bắt đầu áp dụng các cơ chế tương tự thì đây sẽ là mối đe dọa đáng kể đối với các ngành nghề xuất khẩu của trong nước.

Bên cạnh đó, việc xem xét *dấu chân carbon (carbon footprint)* cũng là phương pháp giúp các nhà xuất khẩu xác định lượng phát thải nhà kính của sản phẩm bắt đầu từ lúc là nguyên liệu thô cho đến quá trình sản xuất, vận chuyển, tiêu dùng và vứt bỏ.

Để tính toán được dấu chân carbon cho một sản phẩm, cách tiếp cận thường sử dụng là *Đánh giá vòng đời (LCA- Life Cycle Assessment)* để ước tính lượng phát thải trong từng quá trình trong vòng đời của sản phẩm, dựa trên tiêu chuẩn quốc tế ISO 14040:2006. Trên thế giới, các doanh nghiệp đang có xu hướng công khai con số dấu chân carbon trên bao bì sản phẩm, giúp tăng tính minh bạch, tăng độ cạnh tranh và giúp người dùng có thêm thông tin để lựa chọn sản phẩm có tác động môi trường thấp. Dấu chân carbon là 1 tiêu chuẩn góp phần giúp chống lại hiện tượng “*tẩy xanh*” (greenwashing).

Việc công khai dữ liệu về dấu chân carbon cũng sẽ cải thiện hình ảnh, tăng tính cạnh tranh và tính minh bạch của sản phẩm cũng như doanh nghiệp. Với xu thế thị trường ưu chuộng những sản phẩm/doanh nghiệp thân thiện với môi trường, nhu cầu về thông tin dấu chân carbon sẽ tăng dần và trở thành một trong những yêu cầu để thâm nhập thị trường quốc tế.

1.4. Nghĩa vụ báo cáo và giao nộp chứng chỉ CBAM

1.4.1. Nghĩa vụ báo cáo trong giai đoạn chuyển tiếp

Giai đoạn áp dụng: từ Tháng 10/2023 đến hết Tháng 12/2025

Đơn vị nhập khẩu sẽ phải nộp báo cáo CBAM gồm các thông tin về hàng hóa

Hạn nộp là một tháng sau khi kết thúc một quý, như vậy hạn nộp đầu tiên là cuối Tháng 1/2024

Nội dung báo cáo gồm:

- (i) Số lượng của từng loại hàng hóa theo đơn vị MW/h hoặc tấn;
- (ii) Tổng lượng phát thải tích hợp trong hàng hóa theo loại
- (iii) Bất kỳ giá/thuế carbon nào phải trả ở nước xuất xứ đối với lượng phát thải tích hợp trong hàng hóa nhập khẩu, có tính đến các khoản hoàn thuế và các hình thức bồi thường khác (nếu có).

Bộ quy tắc và yêu cầu đối với việc báo cáo lượng phát thải theo CBAM sẽ được cụ thể hóa trong đạo luật triển khai và sẽ được Ủy ban thông qua sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban CBAM, bao gồm các chuyên gia từ các quốc gia thành viên EU.

1.4.2. Khai báo CBAM và giao nộp chứng chỉ CBAM giai đoạn vận hành

Giai đoạn áp dụng: từ 2026 trở đi

Người khai báo CBAM do EU cấp phép có tài khoản CBAM trên hệ thống CBAM (CBAM registry) thực hiện khai báo và giao nộp Chứng chỉ CBAM tương ứng với lượng phát thải tích hợp trong hàng hóa đã được thẩm định mà họ đã nhập khẩu trong năm trước đó lên CBAM registry trước Tháng 5 hàng năm.

Một Người khai báo CBAM có thể đại diện cho nhiều đơn vị nhập khẩu.

Nội dung tờ khai CBAM bao gồm:

- (i) Số lượng của từng loại hàng hóa theo đơn vị MW/h hoặc tấn
- (ii) Tổng lượng phát thải tích hợp trong hàng hóa theo loại đã được thẩm định theo luật
- (iii) Tổng số chứng chỉ CBAM phải nộp - tương ứng với lượng phát thải của hàng hóa trừ đi bất kỳ giá/thuế carbon nào phải trả ở nước xuất xứ
- (iv) Bản sao báo cáo thẩm định do đơn vị thẩm định ban hành

II. TÁC ĐỘNG DỰ KIẾN CỦA CƠ CHẾ CBAM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Theo các chuyên gia, những nước chịu ảnh hưởng đầu tiên từ cơ chế CBAM là 5 đối tác thương mại hàng đầu tại châu Á của EU gồm: Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ. Cơ chế CBAM ra đời nhằm mục đích chống biến đổi khí hậu, tuy vậy, cơ chế sẽ tạo thêm chi phí tuân thủ đối với các hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt khi EU có thể xem xét mở rộng các ngành hàng bị điều chỉnh bởi CBAM trong tương lai.

Liên minh châu Âu (EU) là một trong những đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Việt Nam là đối tác đứng thứ 12 về hàng hóa nhập khẩu vào EU. Cơ chế hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam- EU có tính bổ sung cho nhau, cùng với những lợi ích có được từ Hiệp định EVFTA, hàng hóa xuất khẩu Việt Nam luôn đạt được mức tăng trưởng tốt. Theo số liệu Tổng cục Hải quan, năm 2022, xuất khẩu Việt Nam sang EU đạt 46,8 tỷ USD, tăng 16,73% so với năm 2021. Đối với các doanh nghiệp

Việt Nam có định hướng xuất khẩu, tiêu chuẩn xanh châu Âu gây ra trở ngại không chỉ với doanh nghiệp lần đầu xuất khẩu sang thị trường này mà còn cả những doanh nghiệp đã có kinh nghiệm nhiều năm.

Cụ thể, bốn nhóm mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam nằm trong cơ chế điều chỉnh của hệ thống EU- ETS bao gồm sắt thép, xi măng, nhôm và phân bón. Hiện tại, giá trị xuất khẩu bốn mặt hàng này sang thị trường EU đều chiếm tỷ trọng không cao. Đây không phải là những ngành xuất khẩu mạnh của nước ta sang EU, do đó, trong ngắn hạn, xuất khẩu tổng thể của Việt Nam sang EU sẽ không bị ảnh hưởng nhiều. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu bốn mặt hàng trên đang có xu hướng tăng lên.

Xét về lâu dài, phạm vi của CBAM có thể được mở rộng để bao gồm cả phát thải gián tiếp và các lĩnh vực khác cũng như các sản phẩm sử dụng nhiều carbon, chẳng hạn như sử dụng nhiều năng lượng cho hoạt động sản xuất- kinh doanh và tập trung vào các lĩnh vực cụ thể như: năng lượng, khoáng sản, sản xuất và chế biến một số loại thực phẩm như đường, tinh bột, khoai tây, cà chua hay một số sản phẩm dệt may, hóa chất và xây dựng.

Nếu xét về tổng thể toàn bộ nền kinh tế, tác động của CBAM không lớn, tuy nhiên đối với từng ngành hàng, từng doanh nghiệp thì giá trị xuất khẩu giảm đi là con số không hề nhỏ và gây áp lực đối với doanh nghiệp.

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 7/1/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn có đề cập đến mặt hàng sắt thép và xi măng là một trong những ngành hàng phải báo cáo thu thập thông tin, số liệu về các nguồn phát thải khí nhà kính, tính toán lượng phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí nhà kính trong một phạm vi xác định và trong một năm cụ thể theo phương pháp và quy trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Doanh nghiệp sẽ phải thực hiện kiểm kê từ năm 2024, đồng thời tiến hành các biện pháp nhằm giảm phát thải, sản xuất xanh.

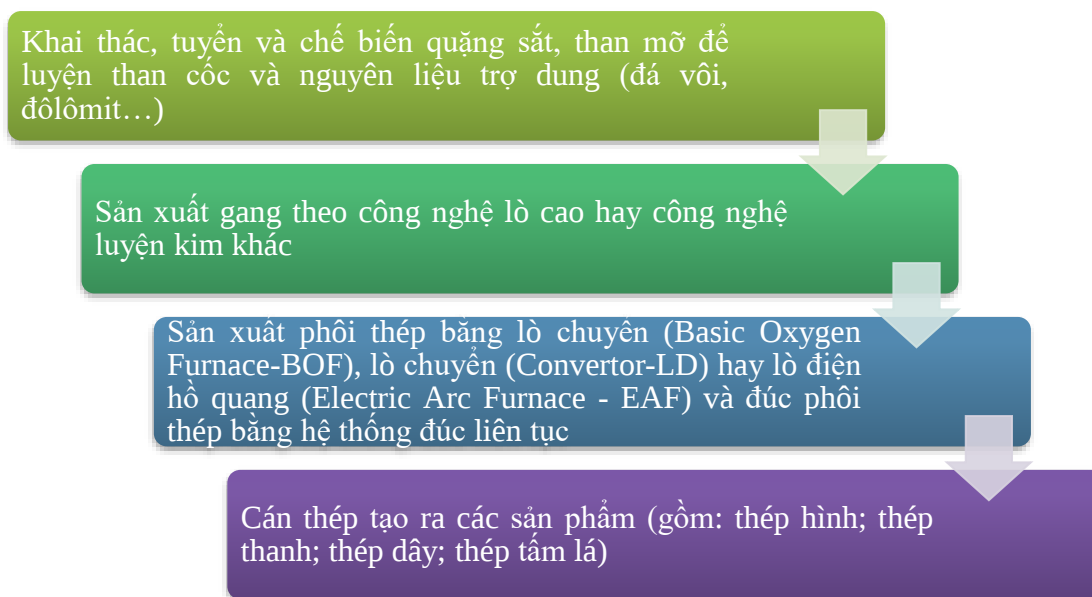
2.1. Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép

a. Tổng quan về khí bụi thải ngành thép Việt Nam

Đặc thù của ngành là sử dụng nhiều nhiên liệu hóa thạch (than) nên lượng phát thải khí CO₂ ra môi trường cũng rất lớn. Quá trình sản xuất gang thép đã tạo ra một lượng lớn các chất thải gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người mà trực tiếp là công nhân làm việc trong nhà máy, đồng thời gây nên tình trạng biến đổi khí hậu.

Ngoài nguyên liệu chính là thép phế, sắt xộp, gang thổi hoặc gang lỏng, vôi, việc sản xuất thép còn sử dụng năng lượng như than, gas, điện, dầu, oxy, nước và các chất phụ trợ như hợp kim, điện cực, khí trợ, vật liệu đầm lò. Hơi và sản phẩm phụ từ quá trình luyện cốc, nung kết và làm sạch kim loại gây ô nhiễm nặng môi trường không khí. Cụ thể các loại khí sinh ra từ quá trình này là oxit lưu huỳnh (SO_x), oxit nito (NO_x) và oxit carbon (CO, CO₂) cùng các hạt lơ lửng.

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, quá trình sản xuất thép của nhà máy thép liên hợp đều bao gồm các công đoạn như:



Nguồn phát sinh khí bụi thải có ở tất cả các công đoạn sản xuất của nhà máy thép liên hợp tại các khu vực như: kho bãi nguyên liệu đầu vào; sản xuất than cốc; luyện gang và luyện thép; lò nung phôi để cán thép; sản xuất tôn mạ màu; gia công và cắt kim loại.

Trong các nhà máy luyện thép bằng phương pháp truyền thống, nước làm mát thường bị nhiễm kim loại nặng. Thành phần của nước thải rất khó xử lý và chứa nhiều chất độc hại. Ngoài ra, ô nhiễm nhiệt, rung động, tiếng ồn cũng là những vấn đề ngành thép cần quan tâm.

b. Tác động dự kiến của CBAM đối với ngành thép

Theo số liệu của Hiệp hội thép thế giới (WSA), tính riêng năm 2022, ngành thép tạo ra mức phát thải tương đương với 3,5 tỷ tấn khí carbon, chiếm khoảng 7-8% tổng lượng khí nhà kính phát sinh toàn cầu. Cùng với hóa chất và xi măng, sắt thép là 1 trong 3 ngành công nghiệp có mức phát thải lớn nhất thế giới.

Sắt thép cũng là ngành sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của CBAM do giá trị xuất khẩu sang EU cao hơn so với 3 ngành hàng còn lại. Theo Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) trong năm 2022, các thị trường xuất khẩu sắt thép quan trọng của Việt Nam bao gồm khu vực ASEAN (chiếm 36,22%), khu vực EU (18,37%), Hoa Kỳ (10,57%), Hàn Quốc (6,8%) và Hồng Kong (4,1%).

Dự kiến sản phẩm thép không phát thải CO₂ cần lượng năng lượng xanh khổng lồ trong khi việc tăng cường sản xuất năng lượng xanh lại đòi hỏi nguồn cung đầu vào thép lớn.

Nhóm hàng hóa chịu tác động của CBAM bao gồm: các sản phẩm nhóm mã số 72; quặng sắt mã 260112; sản phẩm sắt thép gang 7301, 7302, 7303 00, 7304, 7305, 7306, 7307, 7308, 7309 00, 70310, 7311 00, 7318, 7326.

Mặc dù, kim ngạch xuất khẩu sắt thép trong giai đoạn từ năm 2018- 2022 tăng dần theo thời gian. Tuy nhiên, một số nhóm hàng chịu sự điều chỉnh của CBAM lại là những mặt hàng Việt Nam gần như không xuất khẩu ra thị trường nước ngoài (xem *bảng dưới*).

Bảng: Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng sắt thép mà CBAM điều chỉnh của Việt Nam sang EU

Đvt: nghìn USD

STT	Mã HS	2018	2019	2020	2021	2022
1	72	378.963	307.963	275.443	2.172.743	1.279.929
2	7318	264.817	227.080	207.273	246.730	359.788
3	7308	39.641	79.176	128.330	227.654	295.090
4	7306	11.532	19.732	21.542	30.395	35.029
5	7326	22.543	20.736	22.767	30.618	33.746
6	7307	6.860	5.701	4.880	7.091	14.893
7	7304	102	682	74	221	5.139
8	7310	346	471	355	615	594
9	7309	44	1.488	727	375	421
10	7311	9	9	7	20	10
11	7302	0	0	0	0	2
12	260112	0	0	0	0	0
13	7301	55	0	0	0	0
14	7303	0	0	1	0	0
15	7305	0	6	5	0	0

Nguồn: Trademap, ITC, truy cập ngày 23/11/2023

Bên cạnh đó, thủ tục và cơ chế liên quan tới khai báo thông tin phát thải từ nhà xuất khẩu cũng có khả năng trở thành hàng rào kỹ thuật và rào cản thương mại vào thị trường EU. Theo ước tính sơ bộ của VSA, CBAM làm giảm GDP trung bình hàng năm của Việt Nam khoảng 100 triệu USD. Số liệu này tuy không đáng kể nhưng khi các cường quốc khác như Mỹ, Úc, Canada,...bắt đầu áp dụng cơ chế giảm phát thải tương tự thì sẽ gây ảnh hưởng về lâu dài cho nền kinh tế Việt Nam.

Ngành thép cũng đang có phương pháp tiếp cận theo từng giai đoạn, xây dựng lộ trình trung hòa carbon như:

- *Giai đoạn 2021- 2025:* mục tiêu giảm 10-30% lượng phát thải CO₂, ngành cần tối ưu hóa quy trình, năng lượng, cải tiến công nghệ và tối ưu hóa nguyên liệu thô (phế liệu)
- *Giai đoạn 2025- 2030:* mục tiêu giảm 30-40% lượng phát thải CO₂, giai đoạn chuyển tiếp sẽ sử dụng nhiên liệu carbon thấp, tăng cường lượng khí H₂ trong các nhà máy sắt xộp lên 30%, đồng thời phun H₂ vào lò cao/sắt dạng viên/lò hồ quang điện (EAF). Ngoài ra, ngành dự kiến phát triển các nhà máy luyện thép linh hoạt hybrid, khởi động mô hình thu giữ- sử dụng- lưu trữ- tái chế carbon (CCUS) và tận dụng lại quặng chất lượng thấp trong sản xuất.
- *Giai đoạn 2030- 2050:* mục tiêu giảm 70-90% lượng phát thải CO₂, ngành hướng đến các sản phẩm xanh, áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp như hạn chế sử

dùng carbon trực tiếp, nhà máy sắt xốp hoạt động dựa trên năng lượng xanh (H₂), lò hồ quang điện hoạt động dựa trên năng lượng xanh (điện tái tạo) và tăng cường triển khai mô hình CCUS.

2.2. Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm

a. Vấn đề môi trường của ngành nhôm Việt Nam

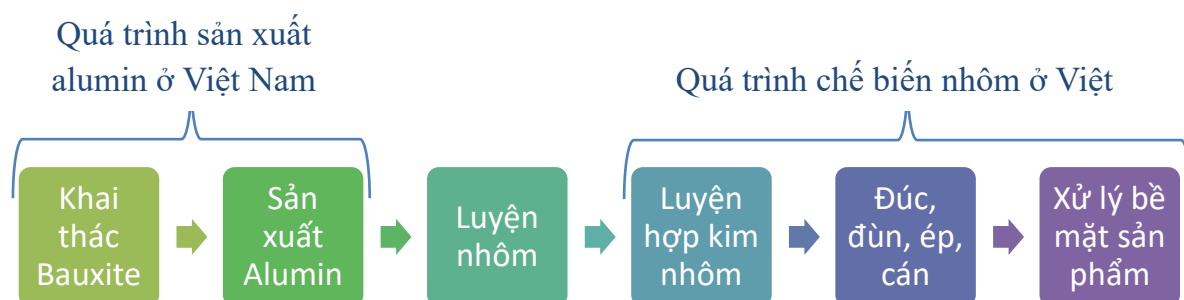
Bauxite là một khoáng vật tương đối phổ biến, hơn 90% bauxite được sử dụng cho sản xuất alumina và từ alumina sản xuất ra aluminium. Khai thác bauxite có thể gây ra lũ vào mùa mưa và hạn hán kéo dài vào mùa khô. Kết quả là đất canh tác nông nghiệp và sản lượng lúa sẽ bị giảm đáng kể. Tuy quy mô khai thác hiện không lớn nhưng nếu khai thác bauxite với quy mô công nghiệp, Việt Nam sẽ phải đối mặt với những vấn đề môi trường rất nghiêm trọng do những thay đổi về hệ sinh thái.

Quá trình nấu nhôm phát sinh nhiều vấn đề môi trường khí thải như dòng khí thải có nhiệt độ cao, bụi kim loại như CO₂, SO₂, CO, NO_x, khí hợp chất Flo,... Ngành công nghiệp nấu nhôm phát thải tạo ra dòng khói bụi có nhiệt độ tương đối cao, khoảng 500-700° C. Do nấu ở nhiệt độ cao nên thành phần khói bụi còn lẫn 1 phần bụi oxit nhôm. Ngoài ra trong khói bụi còn chứa một phần nhỏ các khí CO, NO₂, SO₂ và các kim loại như Mg, Pb, Si,... do các phản ứng chất tạo thành và thành phần nguyên liệu nhôm đầu vào.

- *Ảnh hưởng môi trường của việc khai thác bauxite:* Phần lớn các mỏ bauxite của Việt Nam đều nằm trong khu vực rừng đầu nguồn hoặc rừng phòng hộ. Khai thác bauxite sẽ phá hủy toàn bộ thảm thực vật trên bề mặt tới độ sâu hết chiều dày thân quặng.
- *Ảnh hưởng của hoạt động chế biến bauxite thành alumina:* Quá trình chế biến bauxite tạo ra rất nhiều chất thải rắn khó phân hủy có hại cho môi trường. Hoạt động xử lý thành alumina sẽ tạo ra các đuôi quặng không hòa tan chứa các thành phần không thể phân hủy kể cả trong điều kiện nhiệt độ cao. Các chất thải này tuy không độc hại nhưng tồn tại rất lâu và tác động xấu đến môi trường đất. Tỷ lệ chất thải đuôi quặng rất lớn. Việc bảo quản các chất thải để không gây ô nhiễm đất và nước và rất tốn kém.
- *Ảnh hưởng việc sản xuất aluminium:* Quá trình chế biến alumina thành aluminium điện phân nhôm tạo ra nhiều loại chất thải: chất thải rắn và chất phát thải. Chất thải rắn đặc biệt là cathode có khối lượng rất lớn và đòi hỏi quy trình xử lý nghiêm ngặt. Nhiều nước đã nghiên cứu sử dụng chất thải trong phát điện hoặc các ngành công nghiệp như thép, xi măng... Chất phát thải chủ yếu là fluoride cũng có tác động rất mạnh đến các nguồn thực vật.

b. Tác động dự kiến của CBAM đối với ngành nhôm

Ở Việt Nam, ngành công nghiệp bauxite-alumin mới chỉ phát triển trong hơn 10 năm trở lại và toàn bộ lượng alumin sản xuất tại Việt Nam đều được xuất khẩu. Doanh nghiệp trong ngành nhôm hiện chưa có năng lực luyện nhôm và vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nhôm thỏi, nhôm nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm từ nhôm.



Nguồn: Hội nhôm thanh định hình Việt Nam

Theo Hội nhôm thanh định hình Việt Nam, hiện nay có 26 cơ sở trong ngành thuộc danh mục các doanh nghiệp phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính bắt buộc. Trong tương lai, ngành nhôm Việt Nam có định hướng tăng dần sản lượng xuất khẩu sang các nước đối tác, bao gồm EU.

Nhóm hàng hóa chịu tác động của CBAM bao gồm: các sản phẩm nhôm chưa gia công (HS 7601), bột, mảnh nhôm, thanh nhôm, thanh nhôm định hình, dây nhôm và các sản phẩm nhôm khác (HS 7603- 7616).

Trong giai đoạn 2018- 2022, giá trị xuất khẩu sản phẩm nhôm không cao, song có đến 15 mặt hàng nhôm nằm trong cơ chế điều chỉnh CBAM của EU. Một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu ở mức thấp hoặc bằng 0 đồng nghĩa trong tương lai gần kim ngạch xuất khẩu nhôm cũng chưa bị cơ chế CBAM ảnh hưởng nhiều.

Bảng: Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nhôm mà CBAM điều chỉnh của Việt Nam sang EU

Dvt: nghìn USD

STT	Mã HS	2018	2019	2020	2021	2022
1	7601	16.164	4.230	4.539	118.103	162.470
2	7616	26.827	29.927	31.026	46.616	68.240
3	7605	9.550	6.803	9.263	8.530	12.681
4	7604	153	18	1.335	8.015	7.486
5	7608	2.238	1.756	1.512	2.153	3.670
6	7610	2.525	1.623	3.425	3.076	3.531
7	7615	1.163	1.393	763	1.409	992
8	7609	750	672	647	1.122	908
9	7614	0	0	0	1	448
10	7606	29	35	26	86	166
11	7612	114	41	124	389	147
12	7611	22	45	56	20	48
13	7607	1.784	1.733	31	27	4

14	7603	54	0	0	0	0
15	7613	5	0	0	0	0

Nguồn: Trademap, ITC, truy cập ngày 23/11/2023

Hiện tại, Việt Nam vẫn chưa có mục tiêu hay chiến lược giảm phát thải riêng cho ngành sản xuất nhôm. Tuy nhiên, ngành có 26 cơ sở thuộc danh mục các doanh nghiệp phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính bắt buộc. Theo hiệp hội nhôm, ngành nhôm Việt Nam có định hướng sẽ tăng dần sản lượng xuất khẩu sản phẩm sang các nước khác, bao gồm EU.

2.3. Xi măng

a. Nguồn phát thải CO2 trong quá trình sản xuất xi măng

Khí thải nhà máy xi măng bao gồm các chất chính là bụi và chất ô nhiễm, trong đó CO2 sinh ra trong quá trình sản xuất clinker. Các chất khí làm ô nhiễm môi trường, gây tác động xấu đến hệ sinh thái như giảm tốc độ tăng trưởng của cây trồng, thay đổi thành phần hóa học của đất.

Quá trình sản xuất xi măng gồm 3 giai đoạn cụ thể:

- Quá trình chuẩn bị nguyên nhiên liệu
- Quá trình sản xuất clinker thành phẩm
- Quá trình sản xuất xi măng và đóng bao thành phẩm

Lượng CO2 trong khí thải xuất hiện từ quá trình nung, nửa còn lại là từ nhiên liệu hóa thạch được sử dụng để làm nóng lò nung. Các chất gây ô nhiễm không khí bao gồm SOx và NOx cũng phát sinh từ lò nung và quá trình sấy khô.

Bụi phát sinh từ tất cả các quy trình trong dây chuyền sản xuất xi măng.

- Giai đoạn khai thác, vận chuyển nguyên liệu
- Giai đoạn đập, nghiền, sàng nguyên liệu
- Giai đoạn nung clinker ở nhiệt độ cao
- Giai đoạn đóng gói, vận chuyển thành phẩm

b. Tác động dự kiến của CBAM đối với ngành xi măng

Theo Hiệp hội xi măng Việt Nam, Việt Nam nằm trong top 5 quốc gia xuất khẩu xi măng lớn nhất thế giới, do vậy cơ chế CBAM sẽ trở thành rào cản mới đối với ngành công nghiệp sản xuất xi măng. Tuy nhiên, mức độ tác động không đáng kể bởi trong giai đoạn 5 năm gần đây, lượng xuất khẩu loại vật liệu xây dựng này sang EU chiếm chưa tới 1% tổng lượng hàng xuất khẩu sang thị trường này.

Top 5 thị trường xuất khẩu xi măng lớn của Việt Nam bao gồm Philippines, Bangladesh, Hoa Kỳ, Đài Loan và Malaysia.

Bảng: Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng xi măng mà CBAM điều chỉnh của Việt Nam sang EU

Đvt: nghìn USD

STT	Mã HS	2018	2019	2020	2021	2022
1	2523 29 00	3.818	2.524	2.013	16.288	13.010
2	2507 00	1	0	5	0	3
3	2523 10 00	0	6.817	11.244	4.772	0
4	2523 21 00	0	0	0	0	0
5	2523 30 00	0	0	0	0	0
6	2523 90 00	0	0	0	0	0

Nguồn: Trademap, ITC, truy cập ngày 23/11/2023

Nhóm hàng hóa chịu tác động của CBAM bao gồm: các sản phẩm xi măng có các loại đất sét kaolinic mã HS 2507 00, các loại xi măng khác thuộc mã 2523 10 00, 2523 21 00, 2523 29 00, 2523 30 00, 2523 90 00.

EU cũng là một trong những thị trường xuất khẩu xi măng lớn của Việt Nam, tuy nhiên cả lượng và kim ngạch còn khá khiêm tốn. Trong số các nước cung ứng mặt hàng này vào thị trường EU, kim ngạch xuất khẩu xi măng Việt Nam xếp vị trí thứ 8. Mặc dù, giá trị xuất khẩu tăng dần trong giai đoạn 2018- 2022, song đối với những mặt hàng xi măng chịu sự điều chỉnh của CBAM, kim ngạch xuất khẩu thấp hoặc không xuất khẩu. Do vậy, trước mắt, CBAM chưa có tác động nhiều tới nhóm ngành này.

Hiệp hội Xi măng Việt Nam cho biết cả nước có 57 nhà máy sản xuất xi măng, lượng khí CO₂ lại chiếm tới 57% trong quá trình sản xuất. Trong đó, than đốt chiếm 36% lượng phát thải CO₂, điện chiếm dưới 6% phát thải. Cơ chế CBAM của EU tuy có ảnh hưởng đến ngành xi măng Việt Nam, nhưng mức độ tác động chưa đáng kể bởi trong 5 năm gần đây lượng xuất khẩu loại vật liệu xây dựng này sang EU chiếm tỷ trọng còn thấp. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng cần lên kế hoạch chuẩn bị các phương án nhằm xanh hóa và giảm thải carbon.

2.4. Phân bón

a. Nguồn phát thải trong quá trình sản xuất phân bón

Việt Nam chủ yếu sản xuất các loại phân bón như: phân đạm, phân lân, phân kali và phân bón hỗn hợp (DAP, NPK). Quá trình sản xuất phân đạm, phân lân, phân DAP phát sinh nhiều sự cố hóa chất độc hơn so với phân bón kali và NPK. Trong khi, sản xuất phân lân supe phốt phát, đạm ure, phân DAP cần sử dụng các nguyên liệu/ sản phẩm trung gian là những hợp chất độc hại, nguy hiểm như amoniac (NH₃), amonium nitrate (NH₄NO₃), axit phosphoric (H₃PO₄)... Quy trình công nghệ sản xuất phân bón hóa học có nhiều công đoạn sử dụng áp suất, nhiệt độ cao, chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, tiềm ẩn những mối nguy hiểm cho con người, tài sản và môi trường.

Ngoài ra, quá trình sản xuất các sản phẩm trung gian cũng thải ra các loại hóa chất độc gây ảnh hưởng đến môi trường. Khí thải từ nhà máy sản xuất phân bón có chứa nhiều chất độc hại, bụi mịn. Bên cạnh đó, các sự cố môi trường có thể xuất phát từ quá trình lưu chứa hay vận chuyển hóa chất, chuyển hóa liên quan đến hóa chất (sản xuất,

phản ứng); quá trình vật lý trong sản xuất như sử dụng hóa chất làm tác nhân (quá trình làm lạnh sâu, giữ nhiệt,...); quá trình công nghiệp sản sinh các chất thải (hóa chất) có tính độc hại hay tính nguy hiểm cao (cháy, nổ); các khu vực có sự tham gia của hoạt động vận chuyển (bến bãi, trạm bơm, trạm trung chuyển hóa chất...).

Ngoài ra, nước thải trong sản xuất phân bón từ các quá trình:

- Xử lý nước ngưng
- Xả đáy tháp giải nhiệt
- Xả đáy lò hơi
- Vệ sinh thiết bị, dụng cụ và trang phục bảo hộ lao động

Lượng nước thải ra từ các nhà máy sản xuất phân bón rất khác nhau tùy thuộc vào nguyên liệu thô sử dụng, sản phẩm cuối cùng thu được và quy trình được áp dụng để sản xuất phân bón.

Nước thải ngành sản xuất phân bón chủ yếu chứa chất hữu cơ, rượu, Amoniac, Nitrat, Photpho, kim loại nặng và chất rắn lơ lửng. Việc loại bỏ hiệu quả nhu cầu oxy hóa học (COD) và đưa ra các giải pháp để giảm hiệu quả Nito Amoni là hai vấn đề quan trọng nhất đối với ngành công nghiệp sản xuất phân bón.

b. Tác động dự kiến của CBAM đối với ngành phân bón

Hiện tại, Việt Nam chưa xuất khẩu sản phẩm phân bón vô cơ sang EU. Đây cũng là ngành có tỷ lệ phát thải khí nhà kính lớn trong quá trình sản xuất. Về dài hạn, quá trình tham vấn ban đầu cho thấy ngành phân bón Việt Nam có định hướng ưu tiên sản xuất và phục vụ nhu cầu trong nước thay vì xuất khẩu. Do đó, các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong ngành sẽ hướng tới các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong nước hơn là để giảm tác động của CBAM.

Hiện tại, ngành phân bón có 16 cơ sở thuộc danh mục các doanh nghiệp phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính bắt buộc theo QĐ 01/2022/QĐ- TTg ban hành ngày 18/01/2022.

Bảng: Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng phân bón mà CBAM điều chỉnh của Việt Nam sang EU

Đvt: nghìn USD

STT	Mã HS	2018	2019	2020	2021	2022
1	3102	0	18	0	0	27.372
2	3105	20	11	8	0	27
3	2808 00 00	0	0	0	0	0
4	2814	0	0	0	0	0
5	2834 21 00	0	0	0	0	0

Nguồn: Trademap, ITC, truy cập ngày 23/11/2023

Nhóm hàng phân bón chịu tác động của CBAM bao gồm: các sản phẩm axit nitric, axit sulphonitric mã HS 2808 00 00, amonia mã 2814, nitra của kali mã 2834 21 00, các loại phân bón hữu cơ khoáng, phân hóa học, phân đạm thuộc các mã 3102, 3105.

Kim ngạch xuất khẩu phân bón trong giai đoạn từ 2018- 2022 khá thấp, trong đó, phần lớn những nhóm hàng phân bón chịu sự điều chỉnh của CBAM là những nhóm

sản phẩm Việt Nam không xuất khẩu nhiều qua thị trường EU. Do vậy, như 3 ngành hàng trên, CBAM cũng không tác động nhiều đến giá trị xuất khẩu phân bón trong ngắn hạn.

Căn cứ theo Quyết định số 726/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 như sau:

	2021- 2030	2031- 2040
Tốc độ tăng trưởng sản xuất	3-5%	4-6%
Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hóa chất	9- 11%	7,5- 9%
Phát triển các nhà máy sản xuất phân bón có công nghệ tiên tiến, từng bước loại bỏ những cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, sử dụng công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế ưu đãi cho các dự án chuyển đổi công nghệ		
Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân bón vô cơ, phân hạng các loại phân supe lân và NPK		

Mục tiêu giảm phát thải của ngành phân bón:

Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC): Năm 2030, 100% doanh nghiệp áp dụng công nghệ khử N_2O trong sản xuất hóa chất và phân bón. Tiềm năng giảm 5,6 triệu tấn CO_2 td trong giai đoạn 2021- 2030.

Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 (NCCS): Áp dụng các công nghệ giữ carbon cho ngành hóa chất từ năm 2045 cho khoảng 50% mức sản lượng, tương đương với giảm khoảng 4 triệu tấn carbon hàng năm.

Bên cạnh đó, việc thúc đẩy hoạt động sản xuất, giảm phụ thuộc vào nguồn phân nhập khẩu sẽ giúp Việt Nam kiểm soát tốt hơn phát thải khí nhà kính trong cả chuỗi giá trị. Đồng thời, xây dựng/ cập nhật quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón vô cơ.

III. THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC

Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân và Vnexpress đã thực hiện một cuộc khảo sát với 400 doanh nghiệp về mức độ nhận thức của doanh nghiệp về các chính sách và cơ chế liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính và thị trường carbon, thì có 41% doanh nghiệp tham gia khảo sát không biết đến một trong những chính sách được hỏi liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính.

Trong khi đó, chưa đến 20% doanh nghiệp nắm rõ chính sách về các nội dung liên quan đến giảm phát thải, nghĩa là có hơn 80% doanh nghiệp chưa nắm rõ các chính sách này.

Để doanh nghiệp tiếp cận, nắm bắt các nội dung liên quan đến giảm phát thải thì các thông tin từ nguồn tự tìm hiểu chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến là nguồn từ phía cơ quan nhà nước.

Đối với mức độ nhận thức của doanh nghiệp về CBAM, chỉ có 11% doanh nghiệp nắm rõ nội dung; 53% doanh nghiệp không biết... Nhiều doanh nghiệp muốn tìm hiểu

về CBAM nhưng không biết tìm thông tin từ đâu cũng như chưa nắm rõ nhiều vấn đề liên quan đến kỹ thuật trong triển khai.

Đa số là doanh nghiệp Việt Nam là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, để thích ứng với thị trường xuất khẩu các nước EU buộc các doanh nghiệp phải chuyển đổi cách thức và hướng đi kịp thời để tuân thủ các quy định mới của nước sở tại cũng như hướng đến phát triển bền vững.

3.1. Thực trạng của Việt Nam

Việt Nam vừa là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu; đồng thời nằm trong top 6 quốc gia phát thải lớn nhất tại ASEAN. Chính phủ Việt Nam đã và đang có những hành động cụ thể để đóng góp vào nỗ lực giảm phát thải, ứng phó với biến đổi khí hậu. Cụ thể, là cam kết của chính phủ tại Hội nghị thượng đỉnh khí hậu thế giới COP26 với mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Hiện nay Việt Nam đã và đang đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở pháp lý tăng cường giảm phát thải khí nhà kính, định giá carbon, phát triển thị trường carbon, cấp tín chỉ carbon là tiền đề định hướng và thúc đẩy các ngành/lĩnh vực và doanh nghiệp lựa chọn giảm phát thải carbon hiệu quả, cụ thể:

Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội	Quy định chi tiết về hoạt động bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường
Quyết định 01/2022/QĐ- TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính
Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 7/1/2022 của Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, bao gồm điều 91 về giảm nhẹ phát thải nhà kính, Điều 92 về bảo vệ tầng ô-dôn, Điều 139 về tổ chức và phát triển thị trường carbon. Trong đó: việc trao đổi hạn ngạch, tín chỉ các-bon được thực hiện trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon, thị trường các-bon trong nước. 1 đơn vị hạn ngạch bằng 1 tấn CO ₂ tương đương. Tín chỉ các-bon được phép chuyển đổi thành đơn vị bù trừ cho hạn ngạch trên sàn giao dịch. Theo đó, thị trường sẽ thí điểm từ năm 2025 và vận hành chính thức từ năm 2028
Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 7/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường về ứng phó biến đổi khí hậu
Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia

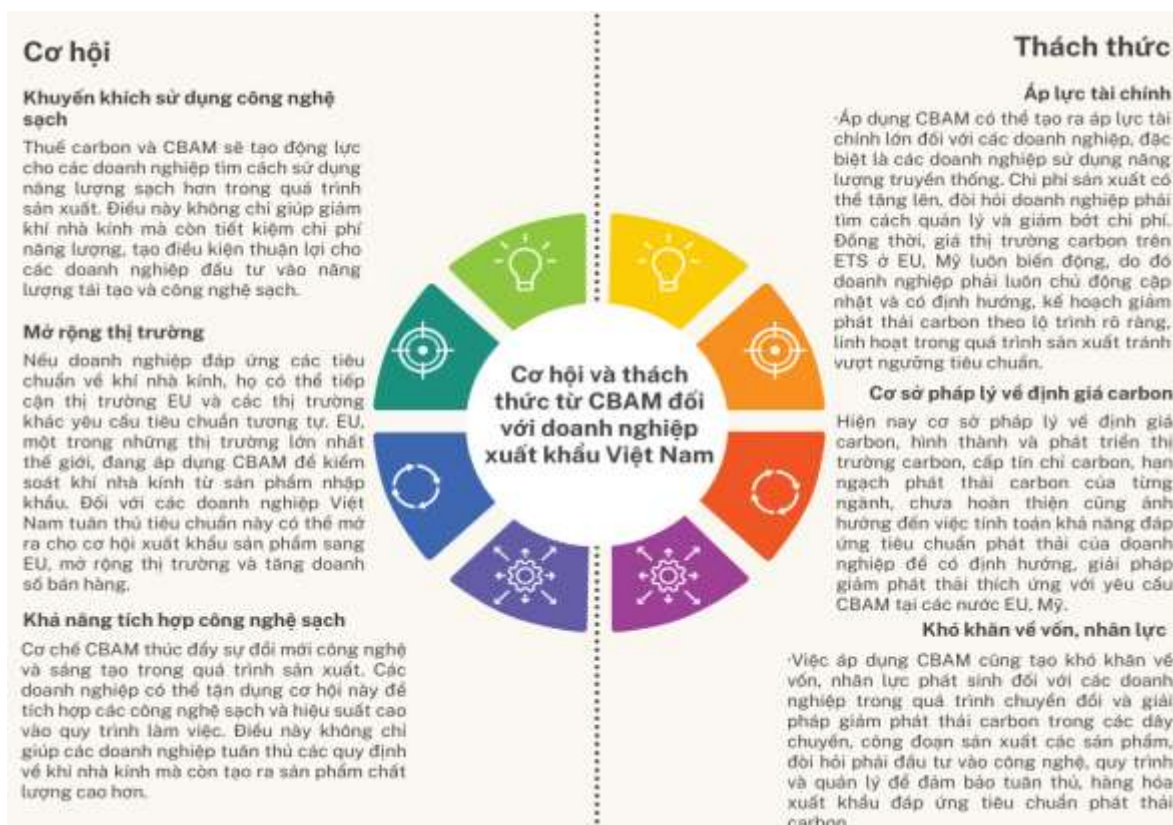
	Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.
Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050
Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 5/8/2022	phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan đến năm 2030
Quyết định 2626/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Công bố danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính
Thông tư 17/2022/TT-BTNMT ngày 15/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ngoài ra, Việt Nam đã thực hiện các dự án theo Cơ chế phát triển sạch (CDM), là cơ chế hợp tác giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển trong khuôn khổ Nghị định Thư Kyoto thuộc công ước khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu. Nhà đầu tư thực hiện các dự án theo cơ chế phát triển sạch tại Việt Nam được hưởng nhiều ưu đãi về các chính sách thuế và tiền thuê đất; đồng thời được xem xét trợ giá đối với các sản phẩm thuộc dự án. Các doanh nghiệp Việt Nam đã tiếp nhận chuyển giao công nghệ cũng như có thêm các nguồn lực tài chính từ việc trao đổi, bán tín chỉ carbon. Khi thị trường carbon tại Việt Nam vận hành sẽ giúp thúc đẩy khối doanh nghiệp thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tối ưu, nâng cao năng lực cạnh tranh, chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng carbon thấp nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, từ đó nâng cao năng lực xuất khẩu hàng hóa, sản phẩm sang các nước tại thị trường EU.

Bên cạnh đó, các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đã và đang tham gia xuất khẩu sang các nước EU có năng lực, chủ trọng thực hiện trách nhiệm đạo đức kinh doanh và bảo vệ môi trường cao sẽ thúc đẩy sử dụng các phương pháp sản xuất sử dụng ít carbon hơn trong các lĩnh vực/ngành chịu điều chỉnh của cơ chế CBAM.

3.2. Cơ hội và thách thức của cơ chế CBAM



Hình ảnh: Cơ hội và thách thức của CBAM

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trên bình diện chung, tác động của thuế carbon đối với sản lượng xuất khẩu phụ thuộc vào một số yếu tố như độ co giãn của cầu hàng hóa, sự sẵn có của hàng hóa thay thế và mức độ mà doanh nghiệp sản xuất có thể chuyển chi phí thuế sang người tiêu dùng. Cũng cần lưu ý rằng, trong tương lai, có thể có nhiều quốc gia tiếp cận theo hướng này và mở rộng sang nhiều mặt hàng khác, nên đây cũng là xu hướng mà các doanh nghiệp cần tính đến từ đầu ngay trong quá trình xây dựng, hoạch định chiến lược sản xuất.

Tất cả quy định trên đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc nắm bắt, thay đổi nhận thức và hành động để thích ứng.

Cơ quan quản lý và hoạt động của CBAM

EC là cơ quan cao nhất chịu trách nhiệm quản lý và điều phối tổng thể việc vận hành cơ chế CBAM trên toàn EU. Một Trung tâm Cơ sở dữ liệu sẽ được thành lập bởi EC để quản lý trực tiếp dữ liệu liên quan đến CBAM. Một “cơ quan có thẩm quyền” ở mỗi quốc gia sẽ phụ trách các hoạt động của CBAM như cấp chứng chỉ cho các Đại lý được ủy quyền khai báo và tiếp nhận và xử lý các đơn xin cấp và thanh toán chứng chỉ. EC sẽ công bố công khai danh sách các cơ quan này. Cơ quan có thẩm quyền sẽ tạo Sổ đăng ký quốc gia của những Đại lý được ủy quyền khai báo cho mỗi quốc gia. Mỗi đại lý sẽ được cấp một mã duy nhất.

Cơ quan hải quan tại cửa khẩu của các nước EU sẽ thực hiện các hoạt động hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu tuân theo CBAM, chẳng hạn như kiểm tra việc thanh toán cho các chứng chỉ CBAM và hàng hóa nhập khẩu, xử lý thủ tục hải quan và trao

đổi thông tin với đại lý được ủy quyền khai báo, nhà nhập khẩu và cơ quan có thẩm quyền về tình trạng hàng hóa nhập khẩu áp dụng CBAM.

Đại lý được ủy quyền khai báo là các tổ chức hoặc cá nhân được phép đăng ký đại diện cho một doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi CBAM. Đại lý có thể kê khai và nộp phí CBAM theo điều kiện quy định được cấp khi đăng ký. Trong quá trình khai báo, đại lý được phép sử dụng thông tin do doanh nghiệp xuất khẩu hoặc trung tâm cơ sở dữ liệu cung cấp hoặc có sẵn. Đại diện các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi CBAM tại các nước ngoài EU được yêu cầu đăng ký và đáp ứng các điều kiện theo quy định để trao đổi thông tin với Trung tâm Cơ sở dữ liệu của EC.

IV. KHUYẾN NGHỊ

4.1. Dành cho cơ quan Nhà nước

Việt Nam đã gián tiếp đánh thuế carbon qua Thuế bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia có chung nhận định rằng mức thuế này chưa thực sự phản ánh bản chất của việc định giá carbon.

Các cơ quan quản lý nhà nước, cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, hỗ trợ nâng cao nhận thức các chính sách liên quan đến giảm phát thải, cũng như các cam kết của Chính phủ tại COP26. Đẩy nhanh quá trình hoàn thiện khung pháp lý về thị trường carbon và sớm triển khai trong thực tế.

Cụ thể, Chính phủ và Cơ quan quản lý nhà nước cần sớm ban hành hướng dẫn chi tiết, đầy đủ để doanh nghiệp có được nhận thức đầy đủ về CBAM và có kế hoạch chuẩn bị ứng phó, tăng cường năng lực kỹ thuật và thể chế để thích ứng với CBAM. Đặc biệt cần xem xét ban hành chính sách định giá carbon (áp dụng thuế carbon phù hợp), khẩn trương sớm triển khai vận hành thị trường carbon, cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như điều ước quốc tế.

Thực hiện được điều này sẽ là cơ sở quan trọng về chính sách định giá carbon, tạo tiền đề để hàng hóa xuất khẩu vào EU có thể được miễn trừ CBAM; hoặc nếu doanh nghiệp có thể chứng minh rằng giá carbon đã được thanh toán trong quá trình sản xuất tại Việt Nam thì số tiền tương ứng này được khấu trừ vào hóa đơn cuối cùng.

Như vậy, việc thực hiện áp dụng định giá carbon và phát triển thị trường carbon trong nước không chỉ có ý nghĩa trong việc tuân thủ các quy định quốc tế mà các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam có thể trả phí carbon, mua chứng chỉ carbon ngay tại trong nước (lượng tiền này sẽ ở lại Việt Nam) thay vì chịu thuế tại EU.

Bên cạnh đó Chính phủ cần xây dựng và ban hành các chính sách tạo động lực, ưu đãi thuế, tín dụng và các chính sách khác đối với các doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ sản xuất xanh, chuyển đổi sang năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; qua đó giúp các doanh nghiệp Việt Nam giữ được lợi thế cạnh tranh xuất khẩu lâu dài vào EU.

Đưa ra cách quy đổi về đơn vị tCO₂e của các loại khí nhà kính của từng ngành/ lĩnh vực, sau đó phân bổ cho các doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp có cơ sở tính toán

điều chỉnh hạn ngạch vừa đạt tiêu chuẩn quy định trong nước và đáp ứng yêu cầu phát thải carbon tại các nước áp dụng CBAM.

4.2. Dành cho doanh nghiệp

Để ứng phó với các quy định của CBAM, các doanh nghiệp cần theo dõi sát các tiến trình và chuẩn bị kế hoạch ứng phó. Trước mắt cần xây dựng báo cáo chi tiết về lượng phát thải cũng như nguồn nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất và kiểm soát tốt lượng phát thải trong toàn bộ chuỗi sản xuất, giảm phát thải trong từng công đoạn,

Đồng thời, doanh nghiệp cần hợp tác với chính phủ thông qua các chính sách khử carbon như định giá carbon và thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo.

-  *Đánh giá tác động:* Doanh nghiệp cần tiến hành một đánh giá chi tiết về cách mà CBAM có thể ảnh hưởng đến hoạt động của mình, đặc biệt là về khí nhà kính và khí thải carbon. Điều này bao gồm việc đo lường và theo dõi mức khí thải trong quy trình sản xuất và cung ứng.
-  *Hiệu chỉnh quá trình sản xuất:* Doanh nghiệp nên xem xét cách cải thiện hiệu suất năng lượng và giảm khí thải trong quá trình sản xuất. Điều này có thể đòi hỏi đầu tư vào công nghệ sạch hơn và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.
-  *Theo dõi chuỗi cung ứng:* Doanh nghiệp cần nắm vững nguồn gốc của các sản phẩm và nguyên liệu đầu vào trong chuỗi cung ứng. Điều này giúp đảm bảo việc không phải gánh chịu tác động tiêu cực từ CBAM qua các nguồn cung ứng có khí thải carbon cao.
-  *Tương tác với chính phủ và cơ quan quản lý:* Tham gia vào cuộc đàm phán với chính phủ và cơ quan quản lý liên quan để hiểu rõ về các quy định và yêu cầu của CBAM. Cũng nên đề xuất các phản hồi và ý kiến đối với các quy định đang được xem xét.
-  *Nghiên cứu và phát triển sản phẩm xanh hơn:* Cân nhắc việc phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ có khí thải carbon thấp hơn hoặc không khí thải carbon. Sản phẩm này có thể hấp dẫn hơn trên thị trường EU và giảm tác động của CBAM.
-  *Xây dựng chiến lược thương hiệu xanh:* Tận dụng cơ hội để xây dựng một hình ảnh thương hiệu xanh hơn. Tiếp thị và quảng cáo sản phẩm và dịch vụ dựa trên các biện pháp bảo vệ môi trường và giảm khí nhà kính.
-  *Hợp tác và liên kết:* Xem xét hợp tác với các đối tác trong ngành để chia sẻ tài liệu, kinh nghiệm và tài nguyên về cách thích ứng với CBAM.
-  *Dự trữ tài chính:* Xây dựng kế hoạch tài chính để đối phó với bất kỳ chi phí nào liên quan đến CBAM. Điều này có thể bao gồm việc tăng giá hoặc dự trữ nguồn tài chính để đảm bảo sự ổn định trong thời gian thích ứng.
-  *Theo dõi các quy định liên quan:* Luôn cập nhật các quy định CBAM và các thay đổi có liên quan. Điều này giúp doanh nghiệp thích ứng nhanh chóng và tuân thủ các yêu cầu mới.
-  *Học hỏi từ những người khác:* Trao đổi với các doanh nghiệp khác trong và ngoài ngành về cách họ đang thích ứng với CBAM và chia sẻ kinh nghiệm. Đặc biệt là từ các giải pháp đã được áp dụng trên thế giới. Phát huy vai trò của Hiệp hội ngành hàng.

CBAM có thể đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp, nhưng cũng mang lại cơ hội để tạo ra sự thay đổi tích cực trong việc quản lý khí nhà kính và bảo vệ môi trường. Việc chuẩn bị kỹ lưỡng và thích nghi sẽ giúp doanh nghiệp duy trì và phát triển trong môi trường kinh doanh mới này.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp nói riêng và các bên liên quan nói chung cần hợp tác và đối thoại với EU để đảm bảo CBAM được thực thi theo cách công bằng và bình đẳng; hợp tác với tổ chức chứng nhận thứ ba để xác minh tính chính xác về hàm lượng carbon trong báo cáo của doanh nghiệp Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu của ITC, 09/2023, <https://www.trademap.org/>
2. Cổng thông tin về EVFTA của Bộ Công Thương, 09/2023, <http://evfta.moit.gov.vn/>
3. Website của VCCI, 09/2023, <https://trungtamwto.vn/>
4. Bacchus, J. (2021). Legal issues with the European carbon border adjustment mechanism. *CATO Briefing Paper*, 125, 3-6.
5. IMF (2022). Carbon-pricing strategies could hold the key to meeting the world's climate stabilization goals
6. Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công thương (09/2023). Thỏa thuận xanh châu Âu, <https://vioit.org.vn/vn>
7. Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công thương (09/2023). Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) - phần 1,2, <https://vioit.org.vn/vn>
8. European Commission (2023). Commission adopts detailed reporting rules for the Carbon Border Adjustment Mechanism's transitional phase



TRUNG TÂM HỘI NHẬP QUỐC TẾ TP.HCM

Địa chỉ: 149 đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TPHCM

Điện thoại: (028) 38205051

Email: hoinhap.hids@tphcm.gov.vn

Website: hoinhap.org.vn

Facebook: [hoinhapthanhpho](https://www.facebook.com/hoinhapthanhpho)

Youtube: [@trungtamhoinhapquoctethanhpho](https://www.youtube.com/@trungtamhoinhapquoctethanhpho)